

Bản án số:23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2019

V/v:“Ly hôn và con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Dung

Bà Nguyễn Thị Hồng Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết-Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2019/TLST – HNGĐ ngày 25/01/2019 về tranh chấp “Ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh H, sinh năm 1971; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Lã Côi, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

- *Bị đơn:* Chị T, sinh năm 1970; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Thôn Lã Côi, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, anh H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh H và chị T kết hôn có đăng ký ngày 21/3/2000 tại UBND thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội, anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn Lã Côi, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình

chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong nhiều vấn đề như sinh hoạt, công việc, nuôi dạy con cái. Gia đình đã nhiều lần hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Chị T đã bỏ nhà đi, không sống chung với bố con anh H nhiều năm nay. Anh H cũng không biết chị T đi đâu. Từ khi chị T bỏ đi đến nay không về thăm gia đình. Nay anh H xác định không còn tình cảm với chị T, vợ chồng không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung vợ chồng: Vợ chồng có 02 con chung là cháu N, sinh ngày 06/7/1999 và cháu Đ, sinh ngày 21/11/2004. Cháu N đã thành niên nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh H có nguyện vọng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T nay bỏ đi đâu không rõ và không quan tâm tới con cái, không gửi tiền về nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T không đến Tòa án để làm việc và không có ý kiến gì gửi Tòa án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm: Về tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn với chị T. Về con chung: Giao cháu Đ cho anh H nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị T. Về tài sản chung vợ chồng không phải giải quyết. Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án do anh H có đơn yêu cầu ly hôn với chị T có ĐKKHTT và nơi cư trú cuối cùng là xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nơi bị đơn cư trú. Vậy, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thụ lý là đúng thẩm quyền.

Chị T vắng mặt lần hai, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Chị T bỏ đi nhiều năm nay không quan tâm đến chồng con. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với chị T của anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung vợ chồng: Vợ chồng có 02 con chung là cháu N, sinh ngày 06/7/1999, cháu N đã thành niên nên không phải giải quyết. Còn cháu Đ, sinh ngày 21/11/2004 sẽ giao cho anh H nuôi dưỡng vì chị T bỏ đi không quan tâm gì đến cháu và hiện nay cháu đang ở với bố. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị T vì anh H không có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung vợ chồng: Anh H không yêu cầu nên không phải giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh H được ly hôn với chị T.
2. Về con chung: Giao cháu Đ sinh ngày 21/11/2004 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị T cho đến khi cháu Đ thành niên hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/0004177 ngày 28/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết Bản án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Gia Lâm;
- Chi cục THADS h. Gia Lâm;
- TANDTP. Hà Nội;
- Lưu:Hồ sơ vụ án;
- Lưu:Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Quang